CHIẾN LƯỢC ĐỌC HIỂU TÀI LIỆU Y KHOA BẰNG TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM HỌC 2025–2026

Lâm Thị Thủy Tiên, Lâm Nhựt Anh, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Lê Hà Lan Phương, Âu Xuân Sâm
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
Email: ltttien@ctump.edu.vn

Tóm tắt: *Nghiên cứu khảo sát chiến lược đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh của 736 sinh viên Y khoa năm nhất, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, năm học 2025–2026, sử dụng thang đo SORS. Kết quả cho thấy mức độ sử dụng chiến lược đọc ở mức trung bình (3,20 ± 0,71). Trong đó, chiến lược xử lý khó khăn được sử dụng nhiều nhất, còn chiến lược suy đoán thấp nhất. Giới tính, nơi cư trú, việc học tiếng Anh ngoài chương trình, chứng chỉ tiếng Anh, khả năng đọc tự đánh giá và mức độ tiếp xúc với tài liệu tiếng Anh có liên quan đến việc sử dụng chiến lược đọc. Kết quả là cơ sở để xây dựng hoạt động giảng dạy và hướng dẫn chiến lược đọc phù hợp cho sinh viên Y khoa.*

Từ khóa: *chiến lược đọc, đọc hiểu, tài liệu y khoa, tiếng Anh chuyên ngành, sinh viên Y khoa.*

ENGLISH READING STRATEGIES FOR MEDICAL TEXTS AMONG MEDICAL STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN THE ACADEMIC YEAR 2025–2026

Abstract: *This study investigated the English medical reading comprehension strategies of 736 first-year medical students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy during the 2025–2026 academic year, utilizing the SORS scale. The results indicated a moderate level of reading strategy use (3.20 ± 0.71). Among the categories, problem-solving strategies were employed most frequently, while inferencing strategies were used the least. Factors such as gender, place of residence, extracurricular English study, English proficiency certification, self-assessed reading ability, and the level of exposure to English materials were associated with the use of reading strategies. These findings serve as a basis for developing appropriate teaching activities and guidance on reading strategies for medical students.*

Keywords*: reading strategies, reading comprehension, medical texts, English for Medical Purposes, medical students.*

Nhận bài: 19/08/2026 Phản biện: 19/09/2026 Duyệt đăng: 23/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếng Anh giữ vai trò quan trọng trong nghiên cứu, đào tạo và thực hành y khoa. Phần lớn tài liệu chuyên ngành, nghiên cứu và hướng dẫn điều trị được công bố bằng tiếng Anh, vì vậy đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh là năng lực cần thiết đối với sinh viên Y khoa.

Bên cạnh kiến thức ngôn ngữ, đọc hiểu hiệu quả còn phụ thuộc vào việc vận dụng các chiến lược đọc phù hợp. Theo Mokhtari và Sheorey, chiến lược đọc là những hành động có chủ đích nhằm nâng cao khả năng hiểu văn bản. Thang đo SORS được sử dụng phổ biến để đánh giá chiến lược đọc và đã được Nguyễn Thị Bích Thủy điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, đọc được đánh giá là kỹ năng tiếng Anh quan trọng đối với học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu hệ thống về chiến lược đọc tài liệu y khoa bằng tiếng Anh của sinh viên Y khoa năm nhất. Nghiên cứu nhằm xác định các chiến lược đọc được sử dụng và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sinh viên ngành Y khoa năm nhất đang học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong năm học 2025–2026.

Tiêu chuẩn lựa chọn gồm sinh viên ngành Y khoa năm nhất đã hoàn thành học phần Anh văn chuyên ngành I và đồng ý tham gia nghiên cứu. Những sinh viên vắng mặt trong thời gian khảo sát hoặc không hoàn thành đầy đủ bảng hỏi được loại khỏi nghiên cứu.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế mô tả cắt ngang.

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu được tính theo công thức sau:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2}\frac{SD^2}{d^2}$$

Z: hệ số tin cậy. Với α=0,05 thì $Z_{1-\frac{\alpha}{2}}$=1,96; d: khoảng sai lệch mong muốn giữa mẫu và quần thể. Chọn d = 0,06. SD = 0,65 là độ lệch chuẩn của

chiến lược đọc giải quyết vấn đề (cao nhất trong 3 chiến lược đọc lần lượt là tổng thể (SD=0,51), giải quyết vấn đề (SD=0,65) và hỗ trợ (SD=0,45) để có cỡ mẫu lớn nhất. Cỡ mẫu tối thiểu trong nghiên cứu của chúng tôi sau tính toán, làm tròn là 451 sinh viên. Sau dự trù 10% tỷ lệ không phản hồi ước tính cỡ mẫu tối thiểu trong nghiên cứu của chúng tôi là 500 sinh viên. Cỡ mẫu thực tế trong nghiên cứu của chúng tôi thu được là 736 sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện. Trong thời gian tiến hành thu thập dữ liệu từ tháng 5-7/2026, tất cả các sinh viên ngành Y khoa năm nhất đang học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thỏa tiêu chuẩn chọn sẽ được chọn vào nghiên cứu của chúng tôi, kết quả có 925 sinh viên được chọn vào. Tuy nhiên sau ba lần gửi bảng hỏi trực tuyến đến email của sinh viên, chỉ có 736 sinh viên phản hồi bảng hỏi với tỷ lệ phản hồi là 79,7%.

2.4. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng bảng hỏi tự điền trực tuyến dưới dạng Google Form. Công cụ khảo sát gồm hai phần: thông tin cá nhân và bảng khảo sát chiến lược đọc dựa trên thang đo Survey of Reading Strategies (SORS) của Mokhtari và Sheorey (2002), được Nguyễn Thị Bích Thủy (2016) điều chỉnh và đã được Việt hóa cho phù hợp với bối cảnh người học Việt Nam. Bảng khảo sát chiến lược gồm 31 mục đánh giá thuộc năm nhóm chiến lược đọc. Người tham gia trả lời theo thang Likert 5 mức độ từ 1 (không bao giờ) đến 5 (luôn luôn). Trước khi tham gia khảo sát, sinh viên được hỏi về việc tự nguyện dựa trên việc bấm xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu kèm đường dẫn đến bảng thông tin dành cho người tham gia nghiên cứu.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được nhập và làm sạch bằng Microsoft Excel, sau đó được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Các biến định lượng được mô tả bằng giá trị trung bình và độ lệch chuẩn; các biến định tính được trình bày bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Các phép kiểm định thống kê phù hợp được sử dụng để xác định các yếu tố liên quan đến việc sử dụng chiến lược đọc. Mức ý nghĩa thống kê được xác định với $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 736 sinh viên Y khoa năm nhất Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2025–2026. Đối tượng nghiên cứu có sự khác biệt về giới tính, nơi cư trú, trình độ tiếng Anh và mức độ tiếp xúc với tài liệu tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng khác nhau về việc tham gia các khóa học tiếng Anh ngoài chương trình phổ thông, sở hữu chứng chỉ tiếng Anh, khả năng đọc tiếng Anh tự đánh giá, tần suất đọc tài liệu tiếng Anh và thời gian đọc tài liệu y khoa bằng tiếng Anh mỗi tuần. Đây là những đặc điểm có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và sử dụng các chiến lược đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh. Do đó, các biến số này được đưa vào phân tích nhằm xác định mối liên quan với mức độ sử dụng chiến lược đọc của sinh viên.

3.2. Các chiến lược đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh của sinh viên Y khoa năm nhất

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng đa dạng các chiến lược đọc khi tiếp cận tài liệu y khoa bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, mức độ sử dụng nhìn chung chỉ ở mức trung bình.

Đối với nhóm chiến lược đọc lướt/tổng quan, điểm trung bình dao động từ 3,15 đến 3,34. Chiến lược được sử dụng nhiều nhất là tận dụng các yếu tố trình bày như chữ in đậm, in nghiêng để nhận diện thông tin quan trọng (3,34 ± 0,96). Tiếp theo là việc xác định mục đích đọc trước khi bắt đầu đọc tài liệu (3,25 ± 0,93). Ngược lại, sinh viên ít chú ý đến các đặc điểm của văn bản như độ dài hoặc bố cục nội dung trước khi đọc chi tiết (3,15 ± 0,95).

Trong nhóm chiến lược đọc xử lý khó khăn, chiến lược được sử dụng nhiều nhất là đọc lại khi gặp đoạn khó để hiểu rõ hơn (3,36 ± 0,97), tiếp theo là điều chỉnh tốc độ đọc theo nội dung và tập trung hơn vào đoạn văn khó (cùng đạt 3,32 điểm). Chiến lược ít được sử dụng nhất là đọc thành tiếng để hỗ trợ hiểu nội dung (3,09 ± 0,98).

Đối với nhóm chiến lược đọc hỗ trợ, sinh viên thường xuyên gạch dưới hoặc khoanh tròn các thông tin quan trọng để ghi nhớ (3,38 ± 1,02), đồng thời sử dụng từ điển hoặc các tài liệu tham khảo khác trong quá trình đọc (3,32 ± 0,98). Mặt khác, việc trao đổi với người khác về nội dung đã đọc để kiểm tra mức độ hiểu là chiến lược ít được áp dụng nhất với điểm trung bình 2,93 ± 0,95.

Trong nhóm chiến lược đọc suy đoán, hai chiến lược được sử dụng nhiều nhất là đoán nghĩa của từ hoặc cụm từ chưa biết (3,24 ± 0,90) và sử dụng ngữ cảnh để hiểu bài đọc (3,24 ± 0,95). Trong khi đó, chiến lược dự đoán nội dung tiếp theo của văn bản ít được sử dụng nhất (2,94 ± 0,97).

Đối với nhóm chiến lược đọc xử lý thông tin, sinh viên thường xử lý thông tin bằng cả tiếng

Anh và tiếng mẹ đẻ (3,24 ± 0,97) và cố gắng hình dung thông tin dưới dạng hình ảnh trong đầu (3,23 ± 0,98). Chiến lược ít được sử dụng nhất là tự đặt câu hỏi để tìm câu trả lời trong quá trình đọc (3,08 ± 0,88).

3.3. Mức độ sử dụng các nhóm chiến lược đọc

Bảng 1. Xếp hạng các loại chiến lược đọc mà sinh viên Y khoa năm nhất thường sử dụng

Chiến lược đọc	Số câu	TB±ĐLC*	Phân loại**	Xếp hạng
Chiến lược đọc lướt/ tổng quan	6	3,22±0,78	Trung bình	2
Chiến lược đọc xử lý khó khăn	7	3,27±0,77	Trung bình	1
Chiến lược đọc hỗ trợ	8	3,21±0,75	Trung bình	3
Chiến lược đọc suy đoán	4	3,10±0,82	Trung bình	5
Chiến lược đọc xử lý thông tin	6	3,17±0,78	Trung bình	4
Toàn bộ các chiến lược đọc	31	3,20±0,71	Trung bình	

Khi xem xét theo từng nhóm chiến lược, tất cả năm nhóm chiến lược đều được sinh viên sử dụng ở mức trung bình. Trong đó, chiến lược đọc xử lý khó khăn có điểm trung bình cao nhất (3,27 ± 0,77), tiếp theo là chiến lược đọc lướt/tổng quan (3,22 ± 0,78), chiến lược đọc hỗ trợ (3,21 ± 0,75), chiến lược đọc xử lý thông tin (3,17 ± 0,78) và chiến lược đọc suy đoán (3,10 ± 0,82). Điểm trung bình chung của toàn bộ chiến lược đọc là 3,20 ± 0,71, phản ánh mức độ sử dụng chiến lược đọc ở mức trung bình.

3.4. Một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng chiến lược đọc

Bảng 2. Liên quan giữa các yếu tố nền và hoạt động học, sử dụng tiếng Anh và toàn bộ các chiến lược đọc

Đặc điểm	Mức độ sử dụng n (%)		OR (KTC 95%)	p
	Thấp-TB	Cao		
Tuổi (TB±ĐLC)	19,24±1,35	19,36±1,64	1,05 (0,95-1,17)	0,307*
Giới tính				
Nam	253 (69,9)	109 (30,1)	1,47 (1,08-2,00)	0,013
Nữ	229 (61,2)	145 (38,8)		
Dân tộc				
Kinh	438 (66,1)	225 (33,9)	1,28 (0,78-2,11)	0,323
Dân tộc khác	44 (60,3)	29 (39,7)		
Nơi cư trú				
Thành thị	215 (60,9)	138 (39,1)	0,68 (0,50-0,92)	0,012
Nông thôn	267 (69,7)	116 (30,3)		
Kinh tế gia đình				
Nghèo/trung bình	416 (64,7)	227 (35,3)	0,75 (0,47-1,21)	0,234
Khá giả	66 (71,0)	27 (29,0)		
Tham gia CLB tiếng Anh chuyên ngành				
Có	71 (65,1)	38 (34,9)	0,98 (0,64-1,51)	0,933
Không	411 (65,6)	216 (34,4)		
Thời điểm học tiếng Anh trong chương trình phổ thông				
Tiểu học	421 (64,7)	230 (35,3)	0,72 (0,44-1,19)	0,196
Thời điểm khác	61 (71,8)	24 (28,2)		
Học tiếng Anh ngoài chương trình phổ thông				
Có	258 (60,8)	166 (39,2)	0,61 (0,45-0,84)	0,002

Không	224 (71,8)	88 (28,2)		
Chứng chỉ tiếng Anh				
Có	62 (50,8)	60 (49,2)	0,48 (0,32-0,71)	<0,001
Không	420 (68,4)	194 (31,6)		

(*) Hồi quy logistic đơn biến

Kết quả phân tích hồi quy logistic đơn biến cho thấy một số yếu tố về giới tính, nơi cư trú và quá trình học tiếng Anh có liên quan đến mức độ sử dụng chiến lược đọc của sinh viên.

Sinh viên nữ có khả năng sử dụng chiến lược đọc ở mức cao nhiều hơn sinh viên nam (38,8% so với 30,1%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với OR = 1,47; p = 0,013. Tương tự, sinh viên cư trú tại thành thị có tỷ lệ sử dụng chiến lược đọc ở mức cao cao hơn sinh viên ở nông thôn (39,1% so với 30,3%; p = 0,012). Sinh viên từng học tiếng Anh ngoài chương trình phổ thông cũng có xu hướng sử dụng chiến lược đọc ở mức cao nhiều hơn nhóm không học thêm (39,2% so với 28,2%; p = 0,002). Ngoài ra, việc sở hữu chứng chỉ tiếng Anh có liên quan chặt chẽ đến mức độ sử dụng chiến lược đọc (49,2% so với 31,6%; p < 0,001). Ngược lại, tuổi, dân tộc, điều kiện kinh tế gia đình, việc tham gia câu lạc bộ tiếng Anh chuyên ngành và thời điểm bắt đầu học tiếng Anh chưa cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê.

Bảng 3. Liên quan giữa các yếu tố về khả năng đọc tiếng Anh và toàn bộ các chiến lược đọc

Đặc điểm	Mức độ sử dụng n (%)		OR (KTC 95%)	p
	Thấp-TB	Cao		
Tự đánh giá khả năng đọc tiếng Anh				
Rất kém/kém	136 (78,6)	37 (21,4)	3,81 (2,26-6,42)	<0,001
Trung bình	292 (64,5)	161 (35,5)	1,88 (1,24-2,86)	0,003
Tốt/rất tốt	54 (49,1)	56 (50,9)	1	-
Tần suất đọc tiếng Anh trong giáo trình được cung cấp				
Không bao giờ và hiếm khi	111 (83,5)	22 (16,5)	4,72 (2,84-7,86)	<0,001
Thỉnh thoảng	215 (71,4)	86 (28,6)	2,34 (1,67-3,28)	<0,001
Thường xuyên/ rất thường xuyên	156 (51,7)	86 (28,6)	1	-
Tần suất đọc tiếng Anh ngoài giáo trình được cung cấp				
Không bao giờ và hiếm khi	182 (73,7)	65 (26,3)	3,16 (2,03-4,91)	<0,001
Thỉnh thoảng	237 (66,8)	118 (33,2)	2,26 (1,51-3,39)	<0,001
Thường xuyên/ rất thường xuyên	63 (47,0)	71 (53,0)	1	-
Thời gian đọc tài liệu Y khoa tiếng Anh mỗi tuần				
0-<1 giờ	276 (75,4)	90 (24,6)	2,47 (1,61-3,80)	<0,001
1-<3 giờ	139 (55,8)	110 (44,2)	1,02 (0,66-1,58)	0,935
≥3 giờ	67 (55,4)	54 (44,6)	1	-
Tần suất giảng viên học phần khác yêu cầu đọc tài liệu tiếng Anh				
Không bao giờ và hiếm khi	71 (70,3)	30 (29,7)	1,38 (0,86-2,23)	0,186
Thỉnh thoảng	188 (66,7)	94 (33,3)	1,17 (0,84-1,62)	0,360
Thường xuyên/ rất thường xuyên	223 (63,2)	130 (36,8)	1	-
Sự cần thiết của đọc tài liệu Y khoa tiếng Anh				
Không cần thiết và bình thường*	62 (92,5)	5 (7,5)	7,35 (2,92-18,53)	<0,001
Cần thiết/ rất cần thiết	420 (62,8)	249 (37,2)		

(*) Bao gồm 3 nhóm: rất không cần thiết, không cần thiết và bình thường

Các yếu tố liên quan đến khả năng sử dụng tiếng Anh cũng cho thấy mối liên quan rõ rệt với chiến lược đọc. Sinh viên tự đánh giá khả năng đọc tiếng Anh ở mức rất kém hoặc kém có số chênh sử dụng chiến lược đọc thấp và trung bình cao hơn 3,81 lần so với nhóm đánh giá khả năng đọc tốt hoặc rất tốt ($p < 0,001$). Tương tự, sinh viên ít đọc tài liệu tiếng Anh trong và ngoài giáo trình, dành ít thời gian đọc tài liệu y khoa bằng tiếng Anh mỗi tuần hoặc đánh giá việc đọc tài liệu y khoa bằng tiếng Anh là không cần thiết đều có mức độ sử dụng chiến lược đọc thấp hơn đáng kể so với các nhóm còn lại ($p < 0,05$). Trong khi đó, tần suất giảng viên các học phần khác yêu cầu đọc tài liệu tiếng Anh chưa cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với việc sử dụng chiến lược đọc ($p > 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Sinh viên Y khoa năm nhất sử dụng chiến lược đọc hiểu tiếng Anh ở mức trung bình (3,20 ± 0,71), tương đồng với một số nghiên cứu trước [5], [6]. Kết quả có thể do sinh viên mới tiếp cận tài liệu y khoa chuyên ngành nên kinh nghiệm đọc học thuật còn hạn chế.

Trong các nhóm chiến lược, xử lý khó khăn được sử dụng nhiều nhất (3,27 ± 0,77), cho thấy sinh viên thường đọc lại, điều chỉnh tốc độ và tập trung khi gặp nội dung khó. Ngược lại, chiến lược suy đoán thấp nhất (3,10 ± 0,82), phản ánh việc vận dụng kiến thức nền và suy luận từ ngữ cảnh còn hạn chế [2], [4].

Một số yếu tố như giới tính, nơi cư trú, việc học tiếng Anh ngoài chương trình, chứng chỉ tiếng Anh, khả năng đọc tự đánh giá và mức độ tiếp xúc với tài liệu tiếng Anh có liên quan đến việc sử dụng chiến lược đọc. Sinh viên thường xuyên đọc tài liệu tiếng Anh có xu hướng sử dụng chiến lược đa dạng hơn [7], [9].

Do đó, giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành cần chú trọng hướng dẫn chiến lược đọc có hệ thống, kết hợp xác định mục tiêu, tìm ý chính, suy luận từ ngữ cảnh và tự đánh giá mức độ hiểu, đồng thời tăng cường tiếp xúc với tài liệu y khoa bằng tiếng Anh.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 736 sinh viên Y khoa năm nhất Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy sinh viên sử dụng các chiến lược đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh ở mức trung bình (3,20 ± 0,71). Trong năm nhóm chiến lược được khảo sát, chiến lược đọc xử lý khó khăn được sử dụng thường xuyên nhất, trong khi chiến lược đọc suy đoán có mức sử dụng thấp nhất. Một số yếu tố như giới tính, nơi cư trú, việc học tiếng Anh ngoài chương trình phổ thông, chứng chỉ tiếng Anh, khả năng đọc tiếng Anh tự đánh giá và mức độ tiếp xúc với tài liệu tiếng Anh có liên quan đến việc sử dụng chiến lược đọc. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các hoạt động giảng dạy và hướng dẫn chiến lược đọc phù hợp, góp phần nâng cao năng lực đọc hiểu tài liệu y khoa bằng tiếng Anh và khả năng tự học của sinh viên Y khoa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Carrell, P. L. (1989). Metacognitive awareness and second language reading. The Modern Language Journal, 73(2), 121–134. https://doi.org/10.1111/j.1540-4781.1989.tb02534.x

Grabe, W. (2009). Reading in a second language: Moving from theory to practice. Cambridge University Press. https://www.cambridge.org/core/books/reading-in-a-second-language/CE406E62E4A84A3A59A7D4E989D4E4A7

Grabe, W., & Stoller, F. L. (2011). Teaching and researching language learning strategies (2nd ed.). Routledge. https://doi.org/10.4324/9781315833742

Mokhtari, K., & Reichard, C. A. (2002). Assessing students' metacognitive awareness of reading strategies. Journal of Educational Psychology, 94(2), 249–259. https://doi.org/10.1037/0022-0663.94.2.249

Mokhtari, K., & Sheorey, R. (2002). Measuring ESL students' awareness of reading strategies. Journal of Developmental Education, 25(3), 2–10. https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ629847.pdf

Nguyễn, T. B. T. (2016). Điều chỉnh và đánh giá độ tin cậy của thang đo chiến lược đọc SORS cho người học tiếng Anh tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu Nước ngoài, 32(4), 52–63. https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/3845

Oxford, R. L. (2011). Teaching and researching language learning strategies. Routledge. https://doi.org/10.4324/9781315838815

Shang, H. F. (2010). Reading strategy use, self-efficacy and EFL reading comprehension. The Asian EFL Journal Quarterly, 12(2), 18–42. https://www.asian-efl-journal.com

Sheorey, R., & Mokhtari, K. (2001). Differences in the metacognitive awareness of reading strategies among native and non-native readers. System, 29(4), 431–449. https://doi.org/10.1016/S0346-251X(01)00039-2

Zhang, L. J. (2010). A dynamic metacognitive systems perspective on Chinese university EFL readers. TESOL Quarterly, 44(2), 320–353. https://doi.org/10.5054/tq.2010.223352

Huỳnh, T. L. H., Nguyễn, T. P. L., Nguyễn, P. T. V., & Lê, T. H. P. (2019). Nghiên cứu chiến lược đọc hiểu của sinh viên tiếng Anh không chuyên tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa, 3, 317–329. https://doi.org/10.63506/jilc.0303.180

Lê, H. B. C., & Lâm, T. T. T. (2020). Nghiên cứu thực trạng và nhu cầu học, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên Y khoa từ năm thứ 3 đến năm thứ 6 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, 40, 45–52.